

Số: 748 /QĐ-UBND

Gia Nghĩa, ngày 23 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết chỉnh trang đô thị tỷ lệ 1/500, khu dân cư tổ dân phố 7, 8, 9 phường Nghĩa Thành, thị xã Gia Nghĩa

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIA NGHĨA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị, ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP, ngày 07/4/2010 của Chính phủ, về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 01/2011/TT-BXD, ngày 27/01/2011 của Bộ Xây dựng, V/v hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 06/2013/TT-BXD, ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng, hướng dẫn nội dung thiết kế đô thị;

Căn cứ Thông tư số 16/2013/TT-BXD, ngày 16/10/2013 của Bộ Xây dựng, sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD, ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng, hướng dẫn nội dung thiết kế đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD, ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng, quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD, ngày 03/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, v/v ban hành quy chuẩn xây dựng Quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1292/QĐ-UBND, ngày 14/8/2013 của UBND tỉnh Đắk Nông, về việc phê duyệt quy hoạch chung đô thị Gia Nghĩa đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Công văn số 2818/UBND-CNXD, ngày 09/7/2014 của UBND tỉnh Đắk Nông về chủ trương lập Quy hoạch phân khu, Quy hoạch chi tiết chỉnh trang đô thị tại một số khu vực thuộc địa bàn thị xã Gia Nghĩa;

Căn cứ Quyết định số 1373/QĐ-UBND, ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thị xã Gia Nghĩa, về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết chỉnh trang đô thị tỷ lệ 1/500, khu dân cư tổ dân phố 7, 8, 9 phường Nghĩa Thành, thị xã Gia Nghĩa;

Căn cứ Công văn số 326/SXD-QHKT, ngày 28/3/2017 của Sở Xây dựng tỉnh Đắk Nông về việc góp ý đồ án quy hoạch chi tiết chỉnh trang đô thị tỷ lệ 1/500, khu dân cư tổ dân phố 7, 8, 9 phường Nghĩa Thành, thị xã Gia Nghĩa;

Xét Biên bản cuộc họp về việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư trong khu quy hoạch;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đô thị tại tờ trình số 124/TTr-QLĐT, ngày 27/9/2017, kèm theo Kết quả thẩm định số 01/TĐ-QLĐT, ngày 27/9/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết chỉnh trang đô thị tỷ lệ 1/500, khu dân cư tổ dân phố 7, 8, 9 phường Nghĩa Thành, thị xã Gia Nghĩa với các nội dung sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết chỉnh trang đô thị tỷ lệ 1/500, khu dân cư tổ dân phố 7, 8, 9, phường Nghĩa Thành, thị xã Gia Nghĩa.

2. Phạm vi, vị trí và quy mô lập quy hoạch:

2.1. Vị trí, ranh giới:

Khu vực thiết kế quy hoạch thuộc phường Nghĩa Thành, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông, có ranh giới như sau:

- Phía Bắc: Nút giao phía Bắc đường Tổng Duy Tân và Tôn Đức Thắng.
- Phía Nam: Nút giao phía Nam đường Tổng Duy Tân và Tôn Đức Thắng.
- Phía Đông: Đường Tôn Đức Thắng.
- Phía Tây: Đường Tổng Duy Tân.

2.2. Quy mô lập quy hoạch:

- Quy mô đất đai: 15,75 ha.
- Quy mô dân số dự kiến: 1.100 người.
- Tỷ lệ lập quy hoạch: 1/500.

3. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân thị xã Gia Nghĩa;

Đại diện chủ đầu tư: Phòng Quản lý đô thị thị xã Gia Nghĩa.

4. Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Trung tâm Quy hoạch xây dựng Đắk Nông.

5. Tính chất, mục tiêu quy hoạch:

5.1. Tính chất quy hoạch:

- Là khu dân cư đáp ứng các nhu cầu về nhà ở của người dân tại đô thị Gia Nghĩa và tỉnh Đắk Nông.

5.2. Mục tiêu quy hoạch:

- Cụ thể hóa giải pháp cấu trúc quy hoạch cho toàn bộ khu vực quy hoạch phù hợp với định hướng phát triển của quy hoạch chung đô thị Gia Nghĩa đã được duyệt về mặt tổ chức không gian, hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; tổ chức các đơn vị ở, nhóm ở, dịch vụ trong khu vực quy hoạch có mối liên hệ với các khu chức năng lân cận đảm bảo tính hài hòa, đồng bộ, hiệu quả và bền vững.

- Xác định vai trò, tính chất, quy mô, cơ cấu, vị trí phân khu chức năng, tổ chức không gian kiến trúc để thống nhất trong quản lý và đầu tư nhằm bảo đảm cảnh quan kiến trúc, công năng sử dụng, liên kết trong xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật của dự án với các dự án khác.

- Phục vụ công tác chuẩn bị đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và các công trình kiến trúc thuộc dự án.

6. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

TT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu Quy hoạch
I	Dân số		
1	Dân số trong khu vực thiết kế	Người	1.100
2	Mật độ cư trú brutto	Người/ha đất đơn vị ở	60
3	Mật độ cư trú netto	Người/ha đất XD nhà ở	166
II	Chỉ tiêu sử dụng đất		
2.1	Đất đai		
a	Đất đơn vị ở	m ² /người	143
b	- Đất ở	m ² /người	61
c	- CTCC trong đơn vị ở	m ² /người	32
d	- Diện tích đất nhà ở trung bình	m ² đất/hộ	246
2.2	Tầng cao trung bình		
	- Nhà ở	Tầng	1-3
	- Công trình giáo dục	Tầng	1-3
	- Thương mại – dịch vụ	Tầng	2-5
	- CTCC đô thị	Tầng	1-3
	- Công trình y tế	Tầng	1-3
	- Cơ quan hành chính	Tầng	2-3
2.3	Mật độ xây dựng TB trong các lô XD		
	- Nhà ở biệt thự	%	70
	- Nhà ở liên kế vườn	%	70
	- Công trình giáo dục	%	40
	- Thương mại – dịch vụ	%	50
	- CTCC đô thị	%	40
	- Công trình y tế	%	40
	- Cơ quan hành chính	%	40
III	Hạ tầng xã hội		
a	Trường mầm non	Cháu/1000dân	50
		m2 đất/ 1 chỗ	15
IV	Hạ tầng kỹ thuật đô thị	Đơn vị	
1	Giao thông	%	29,5
	- Tỷ lệ đất giao thông đối ngoại	%	
	- Tỷ lệ đất giao thông đối nội	%	
2	Cấp nước		
	- Cấp nước sinh hoạt	Lít/ng-ng	90-100
	- Công trình CC dịch vụ	Lít/m2	2
	- Trường học	Lít/hs	20
	- Trường mẫu giáo	Lít/cháu	100
	- Tưới cây, hoa viên	lít/m2	3
	- Nước rửa đường	Lít/m2	0,5
3	Thoát nước		

	- Thoát nước bản sinh hoạt	Lit/ng-ng (80% nước SH)	80-90
	-Thoát nước bản CQ, trường học, CTCC	Lít/ng-ng	30-32
	- Rác thải	Kg/ng-ngày	0,9
4	Cấp điện		
	- Cấp điện sinh hoạt	Kwh/hộ	5
	- Cấp điện cơ quan,CTCC	W/ m2 sàn	30
	- Nhà trẻ mẫu giáo	Kw/cháu	0,2
	- Dịch vụ	W/m2 sàn	30
	- Chiếu sáng đường phố	Cd/ m2	1-1,2

7. Quy hoạch sử dụng đất:

7.1. Bảng cân bằng chỉ tiêu sử dụng đất

BẢNG CÂN BẰNG CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT

STT	LÔ ĐẤT	CHỨC NĂNG	DIỆN TÍCH M ²	TỶ LỆ %
1		Đất ở	66.408,4	42,16
	ADC	Nhà liền kề	25.151,8	15,97
	BDC	Nhà biệt thự	22.551,9	14,32
	CDC	Nhà vườn	18.704,7	11,88
2	CA	Đất quân sự	1.992,5	1,27
3		Đất công cộng	4.247,2	2,70
	CC	Đất công cộng	3.348,5	2,13
	HTG1	Hội trường tổ dân phố 8	420,7	0,27
	HTG2	Hội trường tổ dân phố 9	478,0	0,30
4		Đất cây xanh hoa viên, cảnh quan	16.890,5	10,72
	HV-CX1	Hoa viên, cây xanh	7.290,4	4,63
	HV-CX2	Hoa viên, cây xanh, TDTT	3.149,8	2,00
	CX	Cây xanh	4.250,9	2,70
	CX1	Cây xanh	1.794,2	1,14
	CX2	Cây xanh	405,2	0,26
5		Đất giáo dục	5.465,8	3,47
	MN1	Trường mầm non 1	1.422,6	0,90
	MN2	Trường mầm non 2	1.687,3	1,07
	GD	Trung tâm Tin học – Ngoại ngữ	2.355,9	1,50
6	TMDV	Đất thương mại	9.168,6	5,82
	TM1	Đất thương mại dịch vụ	7.960,9	5,05
	TM2	Cây xăng	1.207,7	0,77
7		Đất hạ tầng kỹ thuật	2.826,8	1,79
8		Đất giao thông	50.500,2	32,06
9		Tổng	157.500	100

7.2. Bảng tổng hợp số lô đất ở: Theo đồ án được duyệt.

8. Quy hoạch không gian kiến trúc cảnh quan - Thiết kế đô thị:

8.1. Tổ chức không gian kiến trúc:

- Dọc trục đường Tổng Duy tân - trục chính khu vực được ưu tiên bố trí các công trình Dịch vụ - Thương mại, các nhà vườn, nhà biệt thự..., cùng với tuyến đường Tôn Đức Thắng là tuyến đường chính của đô thị được bố trí các dãy nhà liên kế, nhà phố thương mại làm nổi bật được nét hiện đại, phần vịnh đô thị đồng thời cũng là khu vực thu hút dân cư, tạo tiềm năng phát triển kinh tế. Xen lẫn các dãy nhà phố, các trục đường này được chú ý bố trí các lối đi bộ kết hợp vườn dạo, vừa tăng tính thẩm mỹ kiến trúc, vừa tạo lối lưu thông không khí cho toàn khu vực.

- Trong tổng thể không gian quy hoạch kiến trúc cảnh quan toàn khu đô thị, các công trình kiến trúc có tính định hướng không gian khu vực được xác định như các công trình có chức năng tạo điểm nhấn kiến trúc.

- Các công trình điểm nhấn có các đặc trưng như khối tích, chiều cao công trình lớn, có vị trí tại các điểm nút giao thông, điểm cuối các trục chính đô thị, trung tâm các khu ở.

- Khu cây xanh cảnh quan được bố trí rải rác trong khu vực quy hoạch nhằm góp phần cải thiện không khí, tạo cảnh quan. Ngoài ra khu vực cây xanh còn kết hợp hoa viên, sân chơi và kết hợp một số công trình dịch vụ, ...

8.2. Thiết kế đô thị:

8.2.1. Về hình khối kiến trúc, màu sắc trang trí, vật liệu xây dựng:

- Loại hình nhà ở trong khu dân cư chủ yếu là nhà liên kế với kiến trúc mái dốc hoặc mái bằng.

- Với các mẫu nhà vườn thiết kế mẫu nhà nhiều mặt tiếp xúc với sân vườn để cải tạo vi khí hậu nhà ở, lấy sáng và thông thoáng tự nhiên.

- Màu sắc chủ đạo là màu nâu đất kết hợp với cây xanh cảnh quan. Sử dụng ngôi màu đỏ sậm hoặc màu nâu để phù hợp với cảnh quan chung trong khu vực.

- Hình khối kiến trúc đơn giản, gần gũi, có sự thống nhất trong từng dãy nhà.

- Tuân thủ các quy định về tầng cao, và chiều cao từng tầng, khoảng lùi, màu sắc, hình thức hàng rào, độ vươn ra của ô văng, mái đua, ban công,... trên từng dãy phố.

8.2.2. Về mật độ xây dựng, chiều cao, khoảng lùi:

- Đối với khu nhà ở và các công trình công cộng, khi xây dựng phải xác định theo cốt nền quy hoạch từng lô đất; tuân theo cao độ nền thiết kế; mật độ xây dựng, khoảng lùi.

- Đối với công trình nhà ở, khoảng thông phía sau giữa hai nhà để tạo mái dốc ta luy và bố trí hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

- Cao độ nền tầng trệt tuân theo bản vẽ đồ án được duyệt.

9. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng:

9.1. Phương án san nền:

- Hướng dốc chủ đạo của khu đất là Tây- Đông, từ Nam – Bắc.
- Quy hoạch chiều cao xây dựng khu đất theo nguyên tắc bám sát địa hình tự nhiên, đảm bảo ổn định nền cho khu vực xây dựng. Những nơi có địa hình dốc, giải pháp san nền chủ yếu là san lấp cục bộ trong từng công trình nhằm mục đích đảm bảo cao độ xây dựng hợp lý đồng thời giữ lại tối đa vẻ đẹp tự nhiên của toàn khu.
- San nền đảm bảo gắn kết thoát nước chung cho toàn khu vực.

9.2. Thoát nước mưa:

Tùy theo hiện trạng, tính chất và độ dốc nền tự nhiên từng khu vực mà tổ chức xây dựng hệ thống thoát nước mặt cho phù hợp, có tính đến giai đoạn phát triển cho tương lai.

10. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

10.1. Quy hoạch hệ thống giao thông:

10.1.1. Giải pháp quy hoạch:

- Tổ chức hệ thống đường cơ bản tuân thủ quy hoạch chung đô thị Gia Nghĩa theo các cấp độ từ đường liên khu vực - đường khu vực - đường phân khu - đường nội bộ.

- Tận dụng tối đa địa hình hiện trạng tự nhiên, tránh đào đắp lớn, dựa vào hình dạng của khu đất thiết kế mạng lưới giao thông theo hướng song song và vuông góc với các trục giao thông đối ngoại, đảm bảo lưu thông nội bộ và kết nối đồng bộ với các khu dân cư lân cận.

10.1.2. Bảng thống kê đường theo quy hoạch:

Bảng thống kê khối lượng giao thông									
Stt	Tên đường	Lộ giới (m)				Chiều dài (m)	Diện tích (m2)		
		Hè (m)	Lòng (m)	Hè (m)	DPC (m)	Tổng (m)	Hè (m2)	Lòng (m2)	
1	Đ1	5	10	5		20	98,0	588,0	997,0
2	Đ2	3	7	3		13	136,0	816,0	952,0
3	Đ3	5	14	5		24	192,0	2030,0	2880,0
4	Đ4	3	7	3		13	154,0	924,0	1078,0
5	Đ5	3	7	3		13	83,0	498,0	581,0
6	Đ6	3	7	3		13	90,0	540,0	630,0
7	Đ7	3	7	3		13	770,0	4860,0	5590,2
8	Đường Ngô Mỹ	3	7	3		13	132,0	792,0	924,0

9	Đường Tổng Duy Tân	5	10	5		20	1063.0	12870,0	12950,0
TỔNG CỘNG							2718.0	23918,0	26582,2

10.2. Quy hoạch hệ thống cấp nước:

*** Giải pháp cấp nước:**

- Nhu cầu dùng nước của khu vực quy hoạch là: 293 m³/ngày.đêm.
- Nguồn nước cấp cho khu quy hoạch được lấy từ hệ thống cấp nước chung của thị xã Gia Nghĩa theo tuyến ống $\phi 200$ trên đường Tôn Đức Thắng.

*** Quy hoạch mạng lưới cấp nước:**

- Xây dựng hệ thống đường ống cấp nước theo các trục giao thông dẫn nước về khu quy hoạch. Các tuyến này được nối với nhau tạo thành mạng vòng cấp nước, nhằm đảm bảo sự an toàn và liên tục cho các khu vực cần cấp nước.
- Hệ thống cấp nước được xây dựng trên lề đường cách mặt đất 1,0m – 1,2m và cách móng công trình 1,5m. Ống cấp nước được chôn sâu 0.8m, vật liệu là ống nhựa HDPE trên các ngã ba, ngã tư bố trí các van khoá phục vụ công tác lắp đặt và duy tu, bảo dưỡng trong quá trình hoạt động của mạng lưới cấp nước.

*** Hệ thống cấp nước chữa cháy:**

- Dựa vào hệ thống cấp nước chính của khu quy hoạch bố trí họng lấy nước chữa cháy $\Phi 100$ đặt cách nhau 150m đến 200m. Ngoài ra khi có sự cố cháy cần bổ sung thêm nguồn nước mặt của các sông và hồ gần nhất để chữa cháy.

10.3. Quy hoạch hệ thống thoát nước và vệ sinh môi trường:

10.3.1. Quy hoạch hệ thống thoát nước:

- Tuân thủ theo hệ thống thoát nước chung tại khu vực.
- Theo định hướng quy hoạch thoát nước bản các đô thị, tại các khu vực xây dựng mới phải xây dựng 2 hệ thống thoát nước riêng: nước mưa chảy thẳng ra sông suối và nước thải bản chảy về khu xử lý, làm sạch trước khi xả ra ngoài.
- Xây dựng hệ thống thoát nước thải có đường kính D200 -D300mm để thu gom nước thải đưa về trạm xử lý.
- Nước thải từ các công trình được xử lý bằng hệ thống tự hoại trước khi thoát vào cống thoát nước thải để về trạm xử lý.
- Tại những nơi địa hình phức tạp, xây dựng trạm bơm cục bộ để thu gom hết nước thải về trạm xử lý nước thải tập trung.

10.3.2. Vệ sinh môi trường:

- Các hộ phải có thùng rác và tổ chức thu gom chất thải rắn từ các hộ gia đình bằng xe đẩy tay đến điểm tập trung chất thải rắn; lượng rác này được công ty có chức năng về môi trường đô thị thu gom trực tiếp, sau đó sẽ vận chuyển chất thải đến điểm xử lý.

10.4. Quy hoạch hệ thống cấp điện:

*** Nguồn điện:**

Nguồn điện cấp cho Khu dân cư tổ dân phố 7,8,9 phường Nghĩa Thành, thị xã Gia Nghĩa là tuyến điện 15/22kV của lưới điện địa phương đến tự trạm 110kV Đăk Nông 1x16MVA).

*** Lưới điện:**

- Các tuyến trung thế hiện hữu được giữ lại, cải tạo nâng cấp và xây dựng mới các tuyến và nhánh rẽ trung thế 22kV cấp cho khu vực.

- Các tuyến trung thế 22kV được xây dựng mới là các tuyến cáp ngầm Cu/XPLE/PVC/DSTA/PVC 24kV chôn ngầm trong lòng đất, đoạn qua đường sử dụng ống nhựa cứng PVC hoặc ống thép bảo vệ.

- Tổng công suất trạm hạ thế trong toàn khu là dự kiến là 1.482 kVA, gồm các trạm ngoài trời.

- Từ các trạm hạ thế có các phát tuyến 0,4kV đưa điện đến tủ điện tổng của công trình. Các tuyến này dự kiến dùng cáp đồng bọc cách điện PVC có băng thép và vỏ PVC bảo vệ (cáp Cu/XLPE/ PVC/DSTA/PVC) luồn trong ống PVC chôn trực tiếp trong đất đi đến tủ điện chính công trình. Các nhà ở sẽ lấy điện từ những tủ điện phân phối lắp đặt dọc theo lề đường.

- Lưới điện chiếu sáng:

Tất cả các đường có mặt cắt lớn hơn 3,5m trở lên đều được chiếu sáng, đảm bảo chiếu sáng trực chính và các tuyến đường nội bộ.

Tuyến đèn đường sử dụng cáp đồng bọc cách điện PVC (Cu/PVC), luồn trong ống PVC chôn trong đất. Đèn đường là loại đèn cao áp, công suất từ 250W/bộ, đèn đặt trên trụ cao cách mặt đường 6 ÷ 8m cách nhau trung bình khoảng 35m dọc theo lề đường. Riêng khu đường đôi và các trục đường trung tâm, trục đường đi bộ sử dụng đèn sân vườn đặt trên trụ cao 1 ÷ 4 m để làm đẹp mỹ quan.

Giai đoạn I: Lưới điện chiếu sáng xây dựng nối đi chung với lưới điện chiếu sáng.

Giai đoạn II: Lưới điện chiếu sáng xây dựng ngầm hóa hoàn toàn cách chân trục chiếu sáng 0.2m.

*** Trạm biến áp:**

- Vị trí đặt trạm: Trạm biến áp đặt trên vỉa hè, thuận lợi sửa chữa, vận hành và thuận lợi cho các xuất tuyến hạ thế.

- Xây dựng mới 03 trạm biến áp mỗi trạm có công suất: 560KVA-22/0,4KV.

10.5. Quy hoạch hệ thống thông tin - viễn thông:

- Xây dựng hệ thống thông tin liên lạc, viễn thông đáp ứng đầy đủ nhu cầu dịch vụ viễn thông, kết nối Internet cho khu dân cư.

- Đầu tư xây dựng mới một hệ thống viễn thông hoàn chỉnh, có khả năng kết nối đồng bộ với mạng viễn thông quốc gia và quốc tế.

- Các tuyến cáp đồng sẽ được đi ngầm trong tuyến cống bê để đưa đến chân các công trình.

11. Giải pháp tái định cư:

Những hộ dân bị giải tỏa trong khu vực quy hoạch có đủ điều kiện được tái định cư thì được bố trí tái định cư theo quy định.

12. Giải pháp bảo vệ môi trường:

- Triệt để bám sát địa hình tự nhiên, giữ gìn, bảo vệ lớp đất mặt và cảnh quan thiên nhiên hiện có, hạn chế việc đào đắp lớn phá vỡ cảnh quan thiên nhiên.

- Tùy theo hiện trạng, tính chất và độ dốc nền tự nhiên từng khu vực để tổ chức xây dựng hệ thống thoát nước phù hợp, tránh ngập úng cục bộ gây ô nhiễm môi trường.

- Các tổ chức, cá nhân khi thi công xây dựng trong khu vực quy hoạch phải có những giải pháp cụ thể cho việc xử lý các chất thải để bảo vệ môi trường.

- Hạ tầng cần xây dựng đồng bộ trên từng tuyến, tránh làm xong lại phải đào bới cho các hạng mục khác.

- Vật liệu, vật tư xây dựng và san lấp trong quá trình vận chuyển được che hoặc tưới nước để hạn chế khả năng phát tán bụi ra môi trường xung quanh.

- Các chất thải rắn, các vật liệu phế bỏ phải được đưa ra khỏi công trường, tập trung vào các khu xử lý chung.

13. Nguồn vốn: Sử dụng vốn ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 2. Biện pháp tổ chức thực hiện việc quản lý Quy hoạch chi tiết chỉnh trang đô thị tỷ lệ 1/500, khu dân cư tổ dân phố 7, 8, 9 phường Nghĩa Thành, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Phòng Quản lý đô thị (Đại diện chủ đầu tư) có trách nhiệm thực hiện theo các nội dung ghi tại Quyết định này; quản lý đầu tư và xây dựng theo đúng quy hoạch chi tiết được duyệt và các quy định Nhà nước hiện hành.

Trong thời hạn 30 ngày (kể từ ngày được phê duyệt); phòng Quản lý đô thị thị xã phối hợp với các phòng, ban liên quan của thị xã, UBND phường Nghĩa Trung tổ chức công bố công khai cho nhân dân trên địa bàn về nội dung quy hoạch, để người dân nghiêm chỉnh thực hiện theo quy hoạch đã phê duyệt; lập kế hoạch cắm mốc giới theo nội dung quy hoạch trên thực địa, bàn giao, quản lý xây dựng theo đúng hồ sơ đã được duyệt.

Phòng Quản lý đô thị thị xã hoàn chỉnh dự thảo Quy định quản lý theo quy hoạch được duyệt, trình UBND thị xã Gia Nghĩa ký ban hành. Quy định quản lý quy hoạch được UBND thị xã phê duyệt là căn cứ để quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng, cấp phép xây dựng, quản lý đất đai,...theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND & UBND thị xã, Trưởng phòng Quản lý đô thị; Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã, Chủ tịch UBND phường Nghĩa Thành và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (b/c);
- Các Sở: XD, GTVT, TNMT, KHĐT, TC(đ/b);
- TT. Thị ủy (b/c);
- TT. HĐND TX(b/c);
- CT, các PCT UBND TX;
- Báo Đắk Nông;
- Đài PTTH Đắk Nông;
- Đài TT thị xã;
- Trang TTĐT thị xã;
- Lưu VT, QLĐT(H).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Đình Ninh